

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHƯƠNG ĐÔNG  
KHOA KINH TẾ - QUẢN TRỊ KINH DOANH

TÀI LIỆU

# 130 câu trắc nghiệm môn Tài chính quốc tế (có đáp án)

NGUYỄN VĂN LINH



## TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

1. Thị trường ngoại hối là nơi nào ?
  - a. Diễn ra hoạt động mua bán cổ phần và trái phiếu ghi ngoại tệ
  - b. Giao dịch mua bán công cụ ghi ngoại tệ
  - c. Giao dịch mua bán kim loại quý
  - d. Diễn ra việc mua bán các đồng tiền khác nhau**
2. Tại thời điểm t,  $1 \text{ EUR} = 1.3 \text{ USD}$ ,  $1 \text{ GBP} = 1.7 \text{ USD}$ . Thì giá EUR / GBP sẽ là :
  - a. 0.76
  - b. 0.765
  - c. 1.3077
  - d. 0.7647
3. Giả sử tại thời điểm t, tỷ giá thị trường :  $1 \text{ EUR} = 1 \text{ USD}$ ,  $1 \text{ GBP} = 1.5 \text{ USD}$  của ngân hàng :  $2 \text{ EUR} = 1 \text{ GBP}$ ,  $1.5 \text{ EUR} = 1 \text{ GBP}$ . Vậy chi phí giao dịch = 0 nhà đầu tư có USD, anh ta sẽ khai thác cơ hội = cách nào :
  - a. Mua GBP với giá  $1 \text{ GBP} = 1.5 \text{ USD}$ , dùng bằng mua EUR với giá :  $1 \text{ GBP} = 2 \text{ EUR}$  sau đó bán EUR với giá  $1 \text{ EUR} = 1 \text{ USD}$**
  - b. Mua EUR với giá  $1 \text{ EUR} = 1 \text{ USD}$ , chuyển đổi EUR sang GBP với giá  $1 \text{ GBP} = 2 \text{ EUR}$  sau đó mua đôla với giá  $1 \text{ GBP} = 1.5 \text{ USD}$
  - c. Bán GBP với giá  $1 \text{ GBP} = 1.5 \text{ USD}$  sau đó chuyển đổi USD sang EUR sau đó bán EUR với giá  $2 \text{ EUR} = 1 \text{ GBP}$
  - d. Anh ta đánh giá không có cơ hội
4. Tỷ giá niêm yết gián tiếp cho biết gì ?
  - a. Bao nhiêu đơn vị tiền tệ bạn phải có để đổi lấy 1 USD
  - b. 1 đơn vị ngoại tệ trị giá bao nhiêu USD
  - c. Bao nhiêu đơn vị ngoại tệ cần có để lấy 1 đơn vị nội tệ**
  - d. Bao nhiêu đơn vị nội tệ bạn cần để đổi lấy 1 đơn vị ngoại tệ
5. Tỷ giá giao ngay hiện tại EUR / USD = 1.3272. Tỷ giá kỳ hạn 3 tháng : EUR / USD = 1.2728. Nếu tỷ giá giao ngay 3 tháng tới EUR / USD = 1.15. Nếu bạn có 100.000 EUR trong 3 tháng tới bạn sẽ ?
  - a. Thiết lập hợp đồng bán kỳ hạn USD
  - b. Thiết lập hợp đồng bán kỳ hạn EUR**
  - c. Thiết lập hợp đồng mua kỳ hạn EUR
  - d. Thiết lập hợp đồng mua kỳ hạn USD
6. Tỷ giá giao ngay hiện tại EUR / USD = 1.3272. Tỷ giá kỳ hạn 3 tháng EUR / USD = 1.2728. Nếu bạn kỳ vọng tỷ giá giao ngay

- trong 3 tháng tới EUR / USD = 1.15. Giả sử bạn có 1000 EUR trong 3 tháng tới bạn sẽ ?**
- Thiết lập hợp đồng bán kỳ hạn EUR, nếu dự đoán của bạn đúng bạn sẽ lãi : 12380 USD*
  - Thiết lập hợp đồng bán kỳ hạn EUR. Nếu dự đoán đúng bạn sẽ tạo : 12280 USD**
  - Thiết lập hợp đồng mua kỳ hạn EUR, nếu dự đoán của bạn đúng bạn sẽ lãi : 12380 USD*
  - Thiết lập hợp đồng mua kỳ hạn EUR nếu dự đoán của bạn đúng bạn sẽ lãi : 12380 USD*
- 7. Yết giá giao ngay của hợp đồng EUR là EUR /USD = 1.1236/42 vậy % chênh lệch giá mua bán là :**
- 0.45%
  - 0.12%
  - 0.013%
  - 0.053%**
- 8. Giả sử tại thời điểm t, ngân hàng A niêm yết : GDP /USD = 1.6727 / 30. Mua ở ngân hàng A với tỷ giá 1.6730. Giả sử tại thời điểm t, ngân hàng B niêm yết : GDP / USD = 1.6735 / 40. Bán ở ngân hàng B với giá 1.6735. Giả sử chi phí giao dịch = 0 thì lợi nhuận từ ng/vụ của arbitrage cho 1 tr GBP sẽ là :**
- 500 USD
  - 1300 USD
  - 800 USD
  - 1000 USD
- 9. Giả sử tại thời điểm t, ngân hàng A niêm yết : GBP /USD = 1.7281 / 89 và JPY /USD = 0.0079/82. Vậy tỷ giá GBP / JPY sẽ là :**
- 210,74 / 218,85
  - 218.75 / 210.84
  - 210.7439 / 218.8481**
  - 210.8415 / 218.7484
- 10. Thời hạn thực thi của hợp đồng kỳ hạn là :**
- 90 ngày
  - 60 ngày
  - 1 năm
  - Thời hạn thực thi của hợp đồng kỳ hạn là bất cứ ngày nào phụ thuộc vào sự thoả thuận của các bên tham gia hợp đồng**
- 11. Tỷ giá giao ngay của Fran Thụy Sĩ là 0.9 USD / CHF. Tỷ giá kỳ hạn 90 ngày là 0.88 USD/CHF .Đồng Fran Thụy sĩ sẽ bán được với :**

- a. Điểm kỳ hạn gia tăng 2.22%
  - b. Điểm kỳ hạn khấu trừ : - 2.22%
  - c. Điểm kỳ hạn khấu trừ : - 9.09%
  - d. Điểm kỳ hạn gia tăng : 9.09%
12. Tại thời điểm t, số giao dịch niêm yết giá EUR/USD = 1.3223/30. F1/12 (EUR/USD)=1.3535/40. F1/6 (EUR/USD) = 1.4004/40. F1/4 (EUR/USD)=1.4101/04
- a. Đồng EUR chắc chắn sẽ gia tăng so với đôla trong 6 tháng tới
  - b. Đồng EUR chắc chắn sẽ giảm giá so với đôla trong 6 tháng tới
  - c. Đồng EUR được giao dịch với điểm kỳ hạn gia tăng
  - d. Đồng EUR được giao dịch với điểm khấu trừ kỳ hạn
13. Đối với hoạt động mua tiền tệ kỳ hạn :
- a. Khách hàng chấp nhận mua ngoại tệ trong tương lai với tỷ giá được xác định hôm nay
  - b. Khách hàng chấp nhận bán ngoại tệ trong tương lai với tỷ giá được xác định ngày hôm nay
  - c. Các bên tham gia thực hiện tính toán ngay hôm nay cho 1 số lượng ngoại tệ được chấp nhận trong tương lai
  - d. Các bên tham gia thực hiện số lượng ngoại tệ với tỷ giá giao dịch nay được duy trì trong tương lai.
14. Ông A mua GBP kỳ hạn 6 tháng với tỷ giá kỳ hạn 1 GBP =1.75 USD. Hợp đồng là 62500 GBP. Tại thời điểm giao hạn hợp đồng kỳ hạn tỷ giá giao ngay GBP /USD = 1.65
- a. Lỗ 625 USD
  - b. Lỗ 6250 USD
  - c. Lãi 6250 USD
  - d. Lỗ 66.28788 USD
15. Một hợp đồng quyền chọn tiền tệ giữa 1 ngân hàng và khách hàng. Anh ta phải trả phí quyền chọn là :
- a. Cho nhà môi giới cho dù có thực hiện hợp đồng hay không
  - b. Cho ngân hàng cung ứng hợp đồng chỉ khi khách hàng thực hiện hợp đồng
  - c. Cho nhà môi giới khi khách hàng thực hiện hợp đồng
  - d. Cho ngân hàng cho dù anh ta có thực hiện hợp đồng hay không
16. Tại thời điểm t, ngân hàng niêm yết : S (USD /CAD)=1.6461/65. F1/4 (USD /CAD) = 10/20. Tỷ giá kỳ hạn 90 ngày của USD / CAD sẽ là :
- a. 1.6451/35
  - b. 1.6441/35

c.  $1.6471/85$

d.  $1.6481/75$

17. Nếu tỷ giá USD/ CHF =  $2.2128/30$ . USD / SGD =  $2.7227/72$  thì tỷ giá CHF /SGD là :

a.  $1.2303/25$

b.  $1.2303/24$

c.  $0.8114/23$

d.  $0.8127/15$

18. Giả sử Mỹ và Anh đang ở trong chế độ bản vị vàng và giá vàng ở Mỹ được cố định ở mức  $100 \text{ USD} = 1 \text{ ounce}$  và ở Anh là  $50 \text{ GBP}/1 \text{ ounce}$ . Tỷ giá giữa đôla Mỹ và bảng Anh là :

a.  $\text{GBP}/\text{USD} = 2$

b.  $2 \text{ GBP} = 1 \text{ USD}$

c.  $1 \text{ GBP} = 0.5 \text{ USD}$

d.  $5 \text{ GBP} = 10 \text{ USD}$

19. Giả sử giá trị bảng Anh được cố định ở mức :  $20 \text{ GBP} = 1 \text{ ounce}$  vàng. Giá trị đôla Mỹ được cố định ở mức  $35 = 1 \text{ ounce}$  vàng. Nếu tỷ giá hiện tại trên thị trường  $1 \text{ GBP} = 1.8 \text{ USD}$  bán sẽ khai thác cơ hội này như sau :

a. Bắt đầu với  $35 \text{ USD}$ , mua  $1 \text{ ounce}$  vàng sau đó chuyển đổi vàng sang bảng Anh được  $20 \text{ GBP}$ . Đổi  $20 \text{ GBP}$  sang đôla với giá  $1 \text{ GBP} = 1.8 \text{ USD}$  thu được  $36 \text{ USD}$

b. Bắt đầu với  $35 \text{ USD}$  mua  $1.75 \text{ ounce}$  vàng sau đó chuyển đổi vàng đến bảng Anh được  $20 \text{ GBP}$ ,  $1 \text{ ounce}$  sau đó chuyển đổi sang GBP với giá  $20 \text{ GBP}$  một ounce. Đổi vàng lấy đôla với giá  $35 \text{ USD}/\text{ounce}$ . Đổi USD sang bảng Anh với tỷ giá hiện tại  $1 \text{ GBP} = 1.8 \text{ USD}$

c. Cả 2 câu trên đều đúng

d. Cả 2 câu trên đều sai

20. đồng tiền của Liên Minh Châu Âu được gọi là :

a. đôla Châu Âu

b. Đồng EURO

c. Đơn vị tiền tệ

d. SDR

21. Bản tổng kết tất cả các giao dịch kinh tế giữa người cư trú và người không cư trú được gọi là :

a. Cán cân mậu dịch

b. Tài khoản vãng lai

c. Cán cân thanh toán quốc tế

d. Cán cân vốn

**22. Thu nhập ròng là một khoản mục của :**

- a. Cán cân vốn
- b. Cán cân thương mại
- c. Cán cân hoạt động
- d. **Cán cân vãng lai**

**23. Những yếu tố nào sau đây tác động đến dòng vốn đầu tư trực tiếp quốc tế :**

- a. Hạn chế của chính phủ
- b. Rủi ro, chính trị
- c. Chiến tranh
- d. **Tất cả**

**24. Yếu tố nào sau đây là một trong những động lực cho dòng vốn đầu tư gián tiếp chảy vào một quốc gia khi các yếu tố khác không đổi :**

- a. **Lãi suất cao**
- b. Thuế suất thuế thu nhập cao
- c. Kỳ vọng đầu tư giảm giá
- d. Không phải các yếu tố trên

**25. ....là 1 khoản mục trên cán cân vốn, khoản mục này thể hiện các khoản đầu tư vào TSCĐ ở nước ngoài và được sử dụng để điều hành hoạt động kinh doanh :**

- a. *Khoản chuyển giao một chiều*
- b. *Đầu tư gián tiếp*
- c. *Thu nhập ròng*
- d. **Đầu tư trực tiếp**

**26. Giả sử, một công ty của Mỹ nhập khẩu xe đạp từ Trung Quốc. Trên BOP của Mỹ sẽ phát sinh :**

- a. **Một bút toán ghi có trên cán cân vãng lai và bút toán nợ trên cán cân vãng lai**
- b. *Một bút toán ghi nợ trên cán cân thương mại và một bút toán ghi nợ trên cán cân vãng lai.*
- c. *Một bút toán ghi có trên cán cân dịch vụ và một bút toán ghi nợ bên cán cân vãng lai*
- d. *Một bút toán ghi có trên cán cân vãng lai và một bút toán ghi nợ trên cán cân thu nhập.*

**27. Khoản mục vô hình :**

- a. *Bao gồm những giao dịch, không hợp pháp*
- b. *Là cách gọi khác của sai số thống kê*
- c. **Là cách gọi khác của khoản mục dịch vụ**
- d. *Là cách gọi khác của dự trữ quốc gia*

**28. Các giao dịch du lịch được ghi chép trên :**

- a. Cán cân thương mại
- b. Cán cân vãng lai**
- c. Cán cân vốn
- d. Cán cân thu nhập

**29. Cán cân thanh toán thặng dư hay thâm hụt, điều này hàm ý :**

- a. Sự thặng dư thâm hụt của cán cân tổng thể**
- b. Sự thặng dư thâm hụt của cán cân vãng lai
- c. Sự thặng dư thâm hụt của cán cân vốn
- d. Sự thặng dư thâm hụt của một hay một nhóm cán cân bộ phận nhất định trong cán cân thanh toán

**30. Trong chế độ tỷ giá thả nổi, nếu cán cân vãng lai thặng dư:**

- a. Cán cân thanh toán quốc tế sẽ thâm hụt
- b. Cán cân vốn sẽ thâm hụt**
- c. Cán cân thu nhập sẽ thặng dư
- d. Cán cân vốn sẽ thặng dư

**31. Nếu thu nhập quốc dân > chi tiêu quốc dân thì :**

- a. Tiết kiệm > đầu tư nội địa
- b. Thặng dư cán cân vãng lai
- c. Thâm hụt cán cân vốn
- d. Tất cả các câu trên đúng**

**32. Nếu quốc gia thâm hụt tiết kiệm thì :**

- a. Hạ chi tiêu những gì sản xuất ra
- b. Đầu tư nội địa nhiều hơn tiết kiệm
- c. Dòng vốn thuần chảy ra
- d. A & B**

**33. Để giảm thâm hụt vãng lai mọi quốc gia sẽ phải thực hiện chính sách :**

- a. Giảm thâm hụt ngân sách
- b. Tổng sản phẩm quốc dân trong mối tương quan với chỉ tiêu quốc dân
- c. Thúc đẩy tăng trưởng tiết kiệm
- d. Tất cả đều đúng**

**34. Việc nghiên cứu ảnh hưởng của sự thay đổi tỷ giá đến cán cân vãng lai thông qua hệ số co giãn có giá trị xuất khẩu và nhập khẩu được gọi là :**

- a. Phương pháp tiếp cận chỉ tiêu
- b. Hiệu ứng đường cong J
- c. Hiệu ứng điều kiện ngoại thương
- d. Phương pháp tiếp cận hệ số co giãn**

35. Hệ số co giãn xuất khẩu  $\eta$  biểu diễn % thay đổi của ..... khi tỷ giá thay đổi 1% :
- Số lượng hàng hoá xuất khẩu
  - Thị phần hàng hoá trong nước trên thị trường quốc tế
  - Giá trị của hàng hoá xuất khẩu**
  - Giá cả của hàng hoá xuất khẩu
36. Hệ số co giãn nhập khẩu  $\eta_M$  biểu diễn % thay đổi của giá trị nhập khẩu khi tỷ giá :
- Không đổi
  - Thay đổi 10 %
  - Thay đổi 1%**
  - Thay đổi 20 %
37. Theo phương pháp tiếp cận hệ số co giãn XK, NK, khi thực hiện phá giá nội tệ trạng thái của cán cân vãng lai phụ thuộc vào :
- Hiệu ứng giá cả
  - Hiệu ứng khối lượng
  - Hiệu ứng đường cong J
  - Tính trội của hiệu ứng giá cả hay hiệu ứng số lượng**
38. Hiệu ứng đường cong J là :
- Cho thấy cán cân vãng lai xấu đi và sau đó được cải thiện dưới tác động chính sách phá giá nội tệ**
  - Cho thấy cán cân vãng lai cải thiện và sau đó xấu đi do sự tác động của chính sách phá giá nội tệ
  - Cho thấy số lượng hàng hoá XK > NK
  - Không câu nào đúng
39. Theo phương pháp tiếp cận chỉ tiêu các nhân tố nào sau đây cần đề cập khi nghiên cứu ảnh hưởng của phá giá đến cán cân vãng lai :
- Thiên hướng chỉ tiêu biên
  - Thu nhập quốc dân
  - Chỉ tiêu trực tiếp
  - Cả 3 nhân tố trên**
40. Giả sử tỷ giá giao ngay của EUR là 0.9 USD/EUR. Tỷ giá giao ngay dự kiến một năm sau là 0.85 USD/EUR, % thay đổi của tỷ giá giao ngay là :
- EUR tăng : 5.56%
  - EUR giảm : 5.56%**
  - EUR tăng : 5.88%
  - EUR giảm : 5.88%



41. Tỷ giá giao ngay hiện tại của đồng bảng Anh là : 1.45 USD/GBP.  
Giả sử tỷ giá giao ngay của bảng Anh một năm sau là : 1.52 USD/GBP.
- Đồng USD tăng : 4.14 %
  - Đồng bảng Anh giảm : 4.14%
  - Đồng bảng Anh tăng : 4.14 %**
  - Đồng bảng Anh tăng : 3.97%
42. Tại thời điểm t nhà đầu tư phân tích và đánh giá thấy rằng đồng bảng Anh được định giá cao và cơ giảm giá trị thời điểm t+1, ông ta sẽ:
- Mua nhiều bảng hơn trước khi nó giảm giá
  - Mua nhiều bảng hơn trước khi nó tăng giá
  - Bán bảng trước khi giảm giá**
  - Bán bảng trước khi tăng giá
43. Tỷ giá biến động khi có sự thay đổi :
- Mức chênh lệch lạm phát giữa các đồng tiền
  - Chênh lệch lãi suất
  - Thâm hụt cán cân thanh toán
  - Tất cả đều đúng**
- 44.....là kết quả của sự so sánh giá cả hàng hoá nước ngoài với giá cả hàng hoá trong nước :
- Tỷ giá hối đoái theo PPP**
  - Cán cân vãng lai
  - Ngang giá sức mua FFP
  - Ngang giá sức mua tương đối
45. Giả sử tỷ giá thực ko đổi, nội tệ được yết giá gián tiếp khi tỷ giá danh nghĩa tăng lên, các yếu tố khác không đổi:
- Giá cả hàng hoá XK rẻ hơn
  - Giá cả hàng hoá Xk đắt hơn
  - Giá cả hàng hoá NK rẻ hơn**
  - Giá cả hàng hoá NK đắt hơn
46. Các vấn đề nào sau đây là những giả thiết của luật một giá :
- Thị trường cạnh tranh không hoàn hảo
  - Hạn ngạch
  - Chi phí vận chuyển bảo hiểm
  - Thị trường cạnh tranh hoàn hảo bỏ qua hàng rào mậu dịch và chi phí vận chuyển bảo hiểm**
47. Giả sử quy luật một giá bị phá vỡ. Trong chế độ tỷ giá cố định, trạng thái cân bằng của luật một giá sẽ được thiết lập vì :
- Chính phủ dự trữ ngoại hối để can thiệp thị trường**

- b. Ngân sách TW sử dụng công cụ thị trường
- c. Chính phủ sẽ áp dụng thuế suất thuế thu nhập cao
- d. Hàng hoá được vận động từ nơi có mức giá thấp tới nơi có mức giá cao. Từ đó mức giá cả của hàng hoá sẽ ngang bằng ở các thị trường.

**48. Những đặc điểm nào sau đây là nhược điểm của thuyết ngang giá sức mua tuyệt đối :**

- a. So sánh giá cả rô hàng hoá tính bằng nội tệ và giá cả số hàng hoá tính bằng ngoại tệ
- b. Tôn trọng giả thiết của luật 1 giá
- c. **Tỷ trọng hàng hoá trong rô**
- d. Chênh lệch trình độ dân trí

**49. Ý nghĩa của thuyết ngang giá sức mua tương đối là :**

- a. Đánh giá CPSX và NSLĐ giữa các quốc gia
- b. Dự đoán thay đổi tỷ giá trong tương lai
- c. Nguyên nhân của sự thay đổi tỷ giá
- d. **Cá B & C**

**50. Những hàng hoá, dịch vụ sau, hàng hoá nào là hàng hoá có thể tham gia TMQT : ITG**

- a. Máy bay, ô tô, phần mềm máy tính
- b. Dịch vụ mát xa, nhà hàng, karaoke, cắt tóc
- c. Truyền hình cáp, báo điện tử
- d. **A & C**

**51. Ý nghĩa của thuyết ngang giá sức mua tổng quát :**

- a. Sự khác biệt giữa hàng hoá ITG và hàng hoá NITG
- b. Kiểm chứng PPP
- c. Nguyên nhân tỷ giá chênh lệch khỏi PPP
- d. **Cả 3 vấn đề**

**52. Những vấn đề sau vấn đề nào không phải là nguyên nhân tỷ giá chênh lệch khỏi PPP:**

- a. Thống kê hàng hoá “ giống hệt nhau”
- b. Chi phí vận chuyển
- c. Năng suất lao động
- d. **Ko có hàng hoá thay thế nhập khẩu**

**53. Lạm phát ở Mỹ là 3% và ở Anh là 5%. Giả sử các giả thiết PPP tồn tại đồng bằng Anh sẽ là :**

- a. Tăng giá 1.94%
- b. **Giảm giá – 1.9%**
- c. Giảm giá – 1.94%
- d. Tăng giá 1.9%